

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-01-2024.
V/v: Ly hôn giữa anh Chung và
chị Dũng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Quàng Thị Hòa.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh LVC, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản NN, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị LTD, sinh năm 1987.

Trú tại: Bản NN, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh LVC trình bày:

Anh và chị LTD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 05/02/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ nhiều năm hai người sống không quan

tâm đến cuộc sống của nhau. Anh LVC xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn chị LTD.

Về con chung: Có hai con là LGB, sinh ngày 01/12/2009 và LTKC, sinh ngày 06/01/2012. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh không yêu cầu chị LTD phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị LTD từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh LVC và chị LTD. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn anh LVC. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Về con chung: Có hai con là LGB, sinh ngày 01/12/2009 và LTKC, sinh ngày 06/01/2012.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho Anh LVC được ly hôn chị LTD.

Con chung: Giao cho Anh LVC trực tiếp nuôi con LGB, sinh ngày 01/12/2009 và LTKC, sinh ngày 06/01/2012. Chị LTD không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh LVC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị LTD sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo

quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt chị LTD.

Nguyên đơn anh LVC có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh LVC và chị LTD có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh LVC và chị LTD đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh LVC yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh LVC được ly hôn chị LTD.

[3] Về con chung: Có hai con là LGB, sinh ngày 01/12/2009 và LTKC, sinh ngày 06/01/2012. Căn cứ vào nguyện vọng của anh LVC xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Anh không yêu cầu chị LTD cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào nguyện vọng của cháu LGB và LTKC đều muốn ở với bố, nên cần chấp nhận giao hai con cho anh LVC trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Chị LTD không phải cấp dưỡng nuôi con do anh LVC không yêu cầu, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh LVC đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng anh không thuộc diện miễn án phí. Anh LVC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh LVC được ly hôn chị LTD.
2. Giao cho anh LVC trực tiếp nuôi con LGB, sinh ngày 01/12/2009 và LTKC, sinh ngày 06/01/2012. Chị LTD không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh LVC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001236 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Anh LVC, chị LTD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÂN

